TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/HS-ST
Ngày: 29-5-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại điểm cầu chính trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ và điểm cầu phụ Trại tạm giam - Công an tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 tại tỉnh Đ. Nơi thường trú: Ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị H; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 07/3/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xử phạt 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 23/2008/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

+ Ngày 22/7/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xử phạt 10 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" và 02 năm 02 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 88/2011/HS-ST. Bị cáo chưa chấp hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự. Do bị hại không tiếp tục yêu cầu thi hành án đối với phần bồi thường và căn cứ luật thi hành án dân sự thì đã hết thời hiệu

yêu cầu thi hành án nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo là nhân thân xấu chứ không phải trường hợp tái phạm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2024, sau đó chuyển sang tạm giam - hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị K- Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 25/5/2024, Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại di động hiệu Vivo màu đen gọi điện cho người tên T1 (chưa rõ nhân thân) hỏi mua 300.000 đồng ma túy để sử dụng. T1 đồng ý và hẹn T đến khu vực đường cao tốc thuộc ấp B, xã A, huyện N để giao nhận. Đến 12 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 76B2-030.93 đi từ nhà tại tổ 5, ấp B, xã A, huyện N đến điểm hẹn nhận ma túy. Khi đến nơi T đưa cho T1 300.000 đồng, T1 đưa cho T 01 gói nilon được hàn kín (kích thước 02cmx03cm) bên trong chứa ma túy. Nhận được ma túy, T điều khiển xe mô tô đi về nhà để sử dụng, khi đến đoạn đường thuộc khu vực tổ 6, ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, kích thước 02cmx03cm;

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen T sử dụng liên lạc mua ma túy;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 67P2-030.93 T mượn của anh Trần Thanh C.

* Tại Kết luận giám định số 1101/KL-KTHS ngày 31/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu tinh thể trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3993 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,3707 gam.

* Tại bản cáo trạng số 177/CT-VKS-NT ngày 09/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố Nguyễn Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa xét xử, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 0.3707 gam đã được niêm phong số 1101/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ); Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen của Nguyễn Văn T sử dụng vào việc phạm tội.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày:

Đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của Nguyễn Văn T.

Liên quan đến nhận định của Viện kiểm sát cho rằng bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp tái phạm:

- *Về hành vi phạm tội năm 2007:* Bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích khi mới 16 tuổi (ngày 05/8/2007) và đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/9/2008. Theo quy định tại Điều 64 và 77 Bộ luật hình sự 1999, bị cáo được đương nhiên xóa án tích sau 18 tháng. Tính đến ngày phạm tội thứ hai (08/9/2010), bị cáo đã đủ điều kiện xóa án tích. Do đó, hành vi phạm tội năm 2007 không bị coi là tiền án, mà chỉ được xem là yếu tố nhân thân nên luật sư thống nhất với cáo trạng Viện kiểm sát về nội dung này.

- *Về hành vi phạm tội ngày 08/9/2010:* Bị cáo bị tuyên phạt 36 tháng tù theo Bản án ngày 27/7/2011 và đã chấp hành xong hình phạt vào năm 2013.

+ Về dân sự: Người bị hại và cha mẹ họ đã tự nguyện từ bỏ quyền yêu cầu bồi thường từ năm 2012. Chi cục Thi hành án dân sự N đã trả lại đơn yêu cầu thi hành án, có xác nhận từ cơ quan chức năng và người liên quan. Bị cáo cũng không nhận được bất kỳ yêu cầu bồi thường nào sau khi chấp hành án. Như vậy, nghĩa vụ dân sự được xem là chấm dứt do sự tự nguyện của phía bị hại.

+ Về xóa án tích: Tính từ khi chấp hành xong hình phạt tù (năm 2013) đến ngày phạm tội mới (25/5/2024) là hơn 10 năm. Theo Điều 70 và Điều 107 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo đã đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích. Việc cáo trạng vẫn xác định đây là "án tích" là không đúng, cần được điều chỉnh lại là "nhân thân".

Từ các phân tích trên, khẳng định rằng tính đến ngày phạm tội 25/5/2024, bị cáo Nguyễn Văn T không còn án tích. Việc cáo trạng xác định bị cáo "tái phạm" là chưa chính xác, không phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hồ sơ vụ án.

Từ giai đoạn điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo rõ ràng, không quanh co, hỗ trợ cơ quan điều tra xác minh nhanh chóng và đầy đủ sự thật vụ án. Trong giai đoạn truy tố và xét xử, bị cáo vẫn giữ thái độ hợp tác, hối lỗi và mong muốn được sửa chữa lỗi lầm. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Mặt khác do bị cáo đã chủ động cung cấp thông tin về người bán ma túy tên T1, nơi cư trú và đặc điểm nhận dạng cụ thể (bút lục số 32, 33, 42, 44, 57

đều ghi nhận thái độ hợp tác tích cực của bị cáo) nên nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, cả cha mẹ bị cáo đều trên 60 tuổi, không có nghề nghiệp, mắc nhiều bệnh mãn tính nghiêm trọng, gia đình sống nhờ vào thu nhập từ việc bắt cua/cá của bị cáo. Từ khi bị cáo bị tạm giam, gia đình rơi vào cảnh quẫn bách, thuộc diện được địa phương xét cấp phát gạo từ thiện (được Ban ấp Bàu Bông và UBND xã Phước An chứng thực). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, coi đây là tình tiết giảm nhẹ khác và ghi rõ lý do trong bản án.

Từ những căn cứ đã trình bày, kiến nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Không áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm"; Áp dụng Điều 54 BLHS 2015 đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS (01 năm tù) và cho bị cáo được tự do tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với người bào chữa: Năm 2012 Chi cục thi hành án trả đơn yêu cầu thi hành án cho bị hại vì qua xác minh bị cáo không có điều kiện thi hành án (bị cáo đang bị tạm giam). Thi hành án trả đơn và giải thích cho ông Kh rút đơn yêu cầu. Căn cứ luật sửa đổi luật thi hành án năm 2014 thì tính đến thời điểm bị cáo phạm tội (năm 2024) vẫn còn thời hiệu thi hành án. Vì vậy Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi nghe xong bản luận tội, lời bào chữa của luật sư, bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến gì và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về trách nhiệm hình sự: Vào lúc 12 giờ ngày 25/5/2024, tại ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,3993 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cáo trạng số 177/CT-VSK.NT ngày 09/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với Nguyễn Văn T có hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng pháp luật.

[3].Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu.

Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy do Nguyễn Văn T thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bản thân có nhân thân xấu, không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng cho cá nhân, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định (có khối lượng 0.3707 gam đã được niêm phong số 1101/KL-KTHS) là tang vật vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen Nguyễn Văn T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 67P2-030.93 T mượn của anh Trần Thanh C, anh C không biết T mượn xe đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp pháp luật.

[5]. Đối với T1 có hành vi bán ma túy cho T, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra để điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố

tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh "tàng trữ trái phép chất ma túy", điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về tình tiết "tái phạm" mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với Nguyễn Văn T được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS do bị cáo chưa chấp hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự tại bản án số 88/2011/HS-ST ngày 22/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N là chưa phù hợp, bởi lẽ: Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đ đối với Trương Hoàng H (đại diện là ông Trương Văn Kh) - bị hại trong vụ án thì năm 2012 do thấy bị cáo không có khả năng bồi thường số tiền 6.644.250 đồng nên ông Kh đã rút đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án đã ra quyết định số 45/QĐ-CCTHA ngày 20/6/2012 trả lại đơn yêu cầu cho bị hại và đã đình chỉ thi hành phần bồi thường. Từ tháng 06/2012 đến nay bị hại không có thỏa thuận bồi thường dân sự và nay không yêu cầu Nguyễn Văn T thi hành án đối với phần bồi thường 6.644.250 đồng.

Tại văn bản số 168/CV-THADS ngày 01/7/2024 (bút lục 68), Chi cục thi hành án dân sự huyện N cung cấp: "*Về khoản bị cáo T phải bồi thường cho ông Trương Hoàng H số tiền 6.644.250 đồng, Chi cục đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu cho bị hại số 45/QĐ-CCTHA ngày 20/6/2012 nên Chi cục đã đình chỉ thi hành phần bồi thường*". Mặt khác kết quả xác minh ngày 02/10/2024, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N cung cấp: *vào ngày 20/6/2012 Chi cục thi hành án đã trả đơn yêu cầu cho bị hại Trương Hoàng H với lý do Nguyễn Văn T không có tài sản tại địa phương, không có điều kiện thi hành án nên Chi cục giải thích pháp luật đồng thời tống đạt quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án cho ông Trương Văn Kh (đại diện cho ông Trương Hoàng H). Trong biên bản làm việc ông Kh đã rút yêu cầu thi hành án. Hiện nay Chi cục Thi hành án chưa nhận được đơn yêu cầu.*

Căn cứ vào Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm. Tính từ ngày 20/6/2012 đến nay bị hại không nộp đơn yêu cầu thi hành án nên thời hiệu thi hành án dân sự đã hết, hiện nay bị hại cũng không tiếp tục yêu cầu Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ bồi thường nữa. Vì vậy căn cứ nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, xác định đây là nhân thân xấu đối với Nguyễn Văn T chứ không phải trường hợp tái phạm.

Xét lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 106, 135, 136, 326, 327, 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 38, 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2024.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen kèm sim số 0708674820 của Nguyễn Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định (có khối lượng 0,3707 gam đã được niêm phong số 1101/KL-KTHS ngày 01/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ).

Vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2024; tình trạng vật chứng: phong bì còn nguyên dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ. Điện thoại đã qua sử dụng, không khởi động được máy, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, không xác định được số IMEI, số sê ri, không xác định giá trị tài sản.

4. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
- Bị cáo; NBC;
- TAND tỉnh Đ;
-VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện N;
- Công an tỉnh Đ;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.